TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 78/2023/HNGĐ-ST Ngày: 27 – 4 – 2023 V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Khon;

2. Ông Lê Văn Dài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Chí D, sinh năm 1968. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Số nhà G, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Chí D chung sống với nhau có tổ chức theo phong tục, tập quán tại địa phương vào năm 1988, đăng ký kết hôn ngày 24/12/2002, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Trước khi đám cưới ông bà không có quen biết mà thông qua mai mối mới biết nhau, sau đó, tìm hiểu nhau được vài tháng mới đám cưới và đăng ký kết hôn. Việc ông bà kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Thời gian đầu ông bà chung sống với nhau, vợ chồng cũng thường hay cự cãi, nhưng chỉ là những vấn đề mâu thuẫn nhỏ nên vẫn tiếp tục chung sống với nhau và có 04 con chung. Cách nay khoảng 02 đến 03 năm, thì ông D thường xuyên nhậu, nhậu xong về kiếm chuyện để đánh bà L, sự việc kéo dài như vậy, bà L không thể chung sống được với ông D, nên bà L về xin cha mẹ ruột cất 01 căn nhà ở và không sống chung với ông D nữa. Trong thời gian vợ chồng còn chung sống với nhau, ông D cũng không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Ông D có nhiều lần hàn gắn với bà L, nhưng do ông D tính tình không thay đổi, nên bà L không đồng ý hàn gắn. Từ khi ly thân đến nay, bà L không còn tình cảm vợ chồng với ông D.

Bà L và ông D có 04 con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 05/4/1991, Nguyễn Thị Tố Q, sinh ngày 01/10/1994, Nguyễn Thị Tố Q1, sinh ngày 10/5/1996 và Nguyễn Thị Tố N1, sinh ngày 09/12/2000; Hiện nay 04 con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động.

Bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Chí D.

- Về con chung: Hiện nay 04 con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Chí D trình bày:*

Ông Nguyễn Chí D thống nhất trình bày của bà Nguyễn Thị Lê v quá trình đám cưới, đăng ký kết hôn và con chung như bà L trình bày.

Trong thời gian ông bà chung sống với nhau, vợ chồng cũng thường hay cự cãi, nhưng chỉ là những vấn đề mâu thuẫn nhỏ giữa vợ chồng. Việc bà L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn như trên là không đúng. Trong thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn cự cãi nên hai bên xảy ra xô xác, sử dụng vũ lực đối với nhau 01 lần.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, ông D có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Chí D không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Lê d ông D còn thương bà L.

- Về con chung: Hiện nay 04 con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Đơn khởi kiện ngày 01/3/2023 của bà Nguyễn Thị L (bản chính); Giấy chứng nhận kết hôn giữa ông Nguyễn Chí D và bà Nguyễn Thị L (bản chính); Giấy khai sinh của Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Tố Q, Nguyễn Thị Tố Q1 và Nguyễn Thị Tố

N1 (bản sao); Bản tự khai ngày 01/3/2023 của bà Nguyễn Thị L (bản chính) và Thông báo thông tin của bà Nguyễn Thị L (bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Chí D cư trú tại số nhà G, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Chí D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 24/12/2002. Việc ông bà kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn. Việc kết hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Chí D là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Theo trình bày của bà L và ông D thì trong thời gian ông bà chung sống với nhau có xảy ra hành vi bạo lực gia đình. Mặt khác, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; nhưng hiện nay mỗi người đều có cuộc sống riêng, bà L không còn tình cảm vợ chồng với ông D, ông bà không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa bà L và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê đối v1 ông D là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Chí D có 04 con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 05/4/1991, Nguyễn Thị Tố Q, sinh ngày 01/10/1994, Nguyễn Thị Tố Q1, sinh ngày 10/5/1996 và Nguyễn Thị Tố N1, sinh ngày 09/12/2000; Hiện nay 04 con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động, bà L và ông D không có yêu cầu gì về con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Chí D cho rằng tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lê p chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lê .

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Chí D.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Lê p chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001305 ngày 01/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Chí D không phải chịu án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (ĐKKH số 584, quyển số III, ngày 24/12/2002);
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA